

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182 /2021/DS-PT

Ngày 14 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Ái Đoan.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLPT-DS ngày 05/4/2021 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2021/QĐ-PT ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn Đ:* Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt), (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020).

Địa chỉ: Khu phố `A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L1:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1959 (có mặt), (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021).

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Theo bản án sơ thẩm, chị Trần Thị Kim P - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Vào năm 2019, ông Đ có nhận chuyển nhượng thửa đất số 244, diện tích 126,5m<sup>2</sup> và thửa đất số 245, diện tích 122,9m<sup>2</sup> từ ông Lê Quốc H, ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc 02 thửa đất này là của chị Nguyễn Thị Mỹ D và chị Nguyễn Thị Mộng N (hai chị là con ruột của ông L1) chuyển nhượng cho ông H. Đến tháng 12/2019, ông Đ tiến hành xây hàng rào thì gia đình anh L và ông L1 ngăn cản không cho xây, vì cho rằng ông Đ xây hàng rào lấn qua đất của gia đình anh L và ông L1. Ông Đ có thương lượng với anh L và ông L1, cho ông Đ tiếp tục xây hàng rào, nếu sau này ông Đ có lấn qua đất của anh L và ông L1 thì ông Đ sẽ bồi thường hoặc sẽ dỡ bỏ hàng rào nhưng họ không đồng ý, đồng thời anh L và ông L1 còn đưa ra điều kiện là ông Đ phải đưa trước cho họ 30.000.000 đồng, sau đó sẽ tính tiếp. Do ông Đ đang tiến hành xây hàng rào, nếu kéo dài sẽ thiệt hại về vật tư xây dựng và nhân công nên ông Đ đã đồng ý đưa cho anh L 30.000.000 đồng và ông Đ có nói rõ với anh L, nếu ông Đ không có lấn qua đất anh L thì anh L phải trả lại ông Đ 30.000.000 đồng. Sau khi làm hàng rào xong, ông Đ có thưa anh L đến Ủy ban nhân dân xã A và có tiến hành khảo sát thực tế thì ông Đ không có lấn qua đất anh L và ông L1 nên ông Đ yêu cầu anh L và ông L1 trả lại 30.000.000 đồng nhưng họ không đồng ý. Nay ông Đ yêu cầu anh L và ông L1 có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 30.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Vào tháng 12/2019, ông Đ có xây hàng rào trên phần đất ông Đ đã nhận chuyển nhượng của ông Lê Quốc H và có lấn qua phần đất của gia đình anh chiều ngang là 0,1m nên hai bên phát sinh tranh chấp, cự cãi. Sau đó, vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị B có qua nhà anh năn nỉ, thương lượng với anh và ba anh là ông L1, sẽ tự nguyện bồi thường phần đất đã lấn qua đất gia đình anh là 30.000.000 đồng. Anh và ba anh đồng ý nên anh và ba anh có nhận từ bà B 30.000.000 đồng và anh có làm biên nhận nhưng khi đó trong biên nhận không có ghi số tiền 30.000.000 đồng. Qua đo đạc thực tế, chiều ngang cạnh hướng Nam của thửa đất (giáp với thửa 171 của ông Đ) ông Đ là 7,1m đã lấn qua đất của gia đình anh là 0,1m, còn chiều ngang cạnh hướng Bắc giáp đường huyện 05 thống nhất là 07m, vì ông Đ mua phần đất này của ông H là 07m ngang. Vì vậy, nay ông Đ yêu cầu anh và ba anh có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 30.000.000 đồng, anh không đồng ý trả.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L1 trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của anh L và cũng không đồng ý trả lại ông Đ số tiền 30.000.000 đồng.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Gia đình bà không có lần qua đất của anh L. Khi gia đình bà xây hàng rào thì gia đình anh L, ông L1 ngăn cản, đập phá hàng rào của bà nên gia đình bà thương lượng với anh L, ông L1 là để cho vợ chồng bà xây hàng rào nếu có lần đất thì sẽ bồi thường hoặc dỡ bỏ hàng rào nhưng họ không đồng ý và đưa ra điều kiện phải đưa trước cho họ 30.000.000 đồng, sau đó tính tiếp. Vì vậy để tránh thiệt hại về vật tư, nhân công nên chồng bà (ông Đ) chấp nhận giao cho anh L số tiền 30.000.000 đồng và nói rõ nếu không có lần chiếm đất thì phải trả lại cho chồng bà 30.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà không có lần chiếm đất của anh L, ông L1 nên chồng bà yêu cầu anh L, ông L trả lại số tiền này là đúng.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị P trình bày: Ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông L1 trình bày: Nay nếu như qua đo đạc thực tế, ông Đ không có lần qua đất của gia đình ông thì ông và anh L đồng ý trả lại ông Đ số tiền 30.000.000 đồng; còn nếu qua đo đạc thực tế ông Đ có lần qua đất của gia đình ông thì ông và anh L không đồng ý trả lại ông Đ số tiền 30.000.000 đồng

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 1 Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

Buộc anh Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Võ Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Đào có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L và ông L1 chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh L và ông L1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh L và ông L1 cùng phải chịu án phí 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Hoàn lại ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0017620 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 19/01/2021, ông Nguyễn Văn L1 có đơn kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Nguyễn Văn L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho ông Đ số tiền 30.000.000 đồng do ông Đ xây dựng hàng rào có lấn đất của anh L, ông L1.

- Ông Trần Văn C – đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L1 có nhiều lập luận cho rằng: Bản án sơ thẩm đã vi phạm về hình thức của bản án như sau: tại số bản án ghi “Bản án số: 01/2020/DSST”, có nghĩa là vụ án xử năm 2020, trong khi thực tế Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ kiện ra xét xử vào ngày 12/01/2021. Giữa gia đình ông L1, anh L chỉ có thỏa thuận giao dịch với bà Nguyễn Thị B, biên nhận do bà B viết, không có thỏa thuận giao dịch gì với ông Đ; cho nên nếu buộc ông L1, anh L phải trả tiền thì anh L, ông L1 chỉ trả cho bà B và người có quyền khởi kiện đòi tiền lại chỉ có thể là bà B, không phải là ông Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, chấp nhận kháng cáo của ông L1.

- Chị Trần Thị Kim P – đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Đ không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông L1, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Ngọc L đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông L1.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm có ghi số bản án là 01/2020/DS-ST ngày 12/01/2021. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, chị P – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định vụ kiện được Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử vào ngày 12/01/2021; ông L1 xác định ông có tham gia phiên tòa sơ thẩm và cũng xác định nội dung vụ kiện, quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên ông được nghe tại phiên tòa sơ thẩm đúng với nội dung vụ kiện, quyết định của Bản án sơ thẩm mà Chủ tọa phiên tòa phúc thẩm đã công bố tại phiên tòa phúc thẩm. Hơn nữa, Biên bản phiên tòa sơ thẩm, Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng thể hiện vụ kiện xét xử vào ngày 12/01/2021, Bài phát biểu của Kiểm sát viên cũng thể hiện tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/01/2021. Như vậy, có cơ sở xác định vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào ngày 12/01/2021, cho nên Bản án sơ thẩm ghi “Bản án số 01/2020/DSST” là sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng nội dung vụ kiện đúng với tính chất tranh chấp của các đương sự, không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, chỉ cần yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung lại bản án sơ thẩm.

Các đương sự thừa nhận khi ông Đ tiến hành xây dựng hàng rào thì anh L, ông L1 có ngăn cản, không cho ông Đ xây lấn qua đất của anh L và anh L có nhận số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 31/10/2019 để ông Đ được tiếp tục xây dựng hàng rào, thỏa thuận: sau khi ông Đ xây dựng hàng rào xong thì sẽ xác

định lại ranh giới đất giữa đất của anh L với đất của ông Đ, nếu ông Đ xây lấn qua đất của anh L thì anh L và ông L1 sẽ không trả lại cho ông Đ số tiền 30.000.000 đồng. Anh L, ông L1 cho rằng cán bộ địa chính xã xác định ông Đ có lấn đất nên không đồng ý trả lại cho ông Đ số tiền 30.000.000 đồng.

Ông Đ được cấp quyền sử dụng đất 02 thửa đất: thửa số 244 có chiều ngang 4,39m và 4,30m; thửa 245 có chiều ngang 4,40m và 4,30m. Trong đó thửa 244 của ông Đ hướng Đông giáp với thửa 243 của anh L. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đặc hiện trạng 02 thửa đất của ông Đào xác định thửa số 244 và thửa số 245 có diện tích, chiều ngang, chiều dài phù hợp với diện tích ông Đào được cấp quyền sử dụng đất. Cho nên có cơ sở xác định ông Đ không có lấn đất của anh L, ông L1; do đó án sơ thẩm xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Biểu.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L1; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị P xác định ông Đ có đưa 30.000.000 đồng cho anh L nhận là do anh L và ông L1 ép buộc, ra điều kiện phải đưa 30.000.000 đồng cho họ thì ông Đ mới được tiếp tục làm hàng rào và thỏa thuận sau này nếu ông Đ không có lấn qua đất của gia đình anh L thì anh L và ông L1 sẽ trả lại số tiền này cho ông Đ theo biên nhận ngày 31/10/2019 (Bút lục 85). Qua đo đạc thực tế, ông Đ không có lấn qua đất của anh L và ông L1; cho nên chị Phượng yêu cầu buộc anh L và ông L1 trả cho ông Đ 30.000.000 đồng.

Anh L, ông L1 thừa nhận có nhận số tiền 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 31/10/2019, vì ông Đ lấn đất của gia đình anh L, ông L1. Qua đo đạc thực tế, ông L1 và anh L xác định ông Đ có lấn qua đất của ông ngang 0,1m; cho nên ông L1, anh L không đồng ý trả tiền lại cho ông Đ (Bút lục 125).

Xét thấy, căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc thực tế (BL 39 đến 42) đối với hai thửa đất số 244 và 245 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08058 và CS08059 cấp ngày 14/11/2019 cho ông Võ Văn Đ, thì sau khi xây hàng rào xong, đất ông Đ không dư, đủ so với diện tích đất được cấp, chiều ngang đất của ông Đ còn lại là 7m, sau khi đã trừ xong diện tích đất ông Đ

chừa lại để cho gia đình anh L và ông L1 một lối đi đúng theo như: “Giấy thỏa thuận” ngày 25/6/2019 giữa ông L1 và ông H và “Giấy thỏa thuận” ngày 17/9/2019 giữa ông H và ông Đ là chiều ngang giáp lộ nhựa 1,79m và chiều ngang phía sau giáp với thửa đất số 171 là 1,6m (Bút lục 18, 19). Và phù hợp với lời khai của ông Lê Quốc H và chị Lê Thị Kim B (BL 27, 28) là nhân chứng mà anh L và ông L yêu cầu Tòa án triệu tập xác minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1 cũng thừa nhận phần tường ông Đ xây lấn qua là lấn qua phần đất mà ông Đ chừa lại làm lối đi cho gia đình ông, lối đi vẫn thuộc quyền sử dụng đất của ông Đ được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông L1 là không có cơ sở để chấp nhận, cần thiết giữ nguyên án sơ thẩm.

Nhận thấy, mặc dù Bản án sơ thẩm có sai sót trong việc ghi số Bản án sơ thẩm như sau: “số 01/2020/DSST”, nhưng ngày mở phiên tòa của Bản án sơ thẩm đã ghi đúng là ngày 12/01/2021. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị P – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định phiên tòa sơ thẩm mở vào ngày 12/01/2021, Ông L1 xác định ông có tham gia phiên tòa sơ thẩm này. Ông L1 và chị P đều xác định nội dung vụ kiện, quyết định của Bản án sơ thẩm mà Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố phù hợp với nội dung vụ kiện và quyết định của Bản án sơ thẩm đã được ông L1, chị P được nghe tuyên án tại phiên tòa sơ thẩm. Hơn nữa, Biên bản phiên tòa sơ thẩm, Biên bản nghị án của Hội đồng xét xử sơ thẩm và Bài phát biểu của Kiểm sát viên đều thể hiện phiên tòa sơ thẩm được xét xử vào ngày 12/01/2021. Do đó, có cơ sở xác định vụ kiện được Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử vào ngày 12/01/2021, việc ghi “Bản án số: 01/2020/DSST” là do sai sót trong khâu đánh máy, có thể sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Thiếu sót này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với biên nhận ngày 31/10/2019 (Bút lục 85) thể hiện nội dung: “Hai hộ sát ranh (Dương B và Mười Đ) thỏa thuận với nhau ...”, không thể hiện có sự thỏa thuận giữa anh L, ông L1 với bà Biểu như ông C – đại diện theo ủy quyền của ông L1 trình bày. Do đó, yêu cầu của ông C về việc xem xét lại tư cách của đương sự là không có căn cứ.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông L1 không được chấp nhận nên ông L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

Buộc anh Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Võ Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kê từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L và ông L1 chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh L và ông L1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh L và ông L1 cùng phải chịu án phí 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn lại ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0017620 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018446 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9, 9a Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 14/5/2021 có mặt chị Trần Thị Kim P, ông Nguyễn Văn L1, ông Trần Văn C.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Gò Công Đông;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CCTHADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**